

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-PT

Ngày: 06-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Bạch Thị Hồng Hoa.

Ông Vũ Văn Túc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền - Thư ký TAND tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 74/2024/TLPT-HS ngày 04/11/2024 đối với các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S, Đỗ Minh H. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Các bị cáo có kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Việt D**, tên gọi khác: không, sinh ngày 30/8/1992 tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy T1, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1967; có vợ: Trần Thị Vân A; sinh năm 1994; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2013, bị Công an thành phố H, tỉnh Hoà Bình ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi huỷ hoại tài sản của người khác. Đã nộp phạt xong ngày 17/2/2014;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023. Có mặt.

2. **Lê Xuân T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1991, tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: xóm D, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mạnh N, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969; có vợ là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2011, bị Toà án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 35 tháng 08 ngày theo bản án số 05/2011/HSST (đã được xoá án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023. Có mặt.

3. **Phạm Hữu S**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1993, tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố T phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T2, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; có vợ là Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1994; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023. Có mặt.

4. **Đỗ Minh H**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1992, tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Bích N1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Xuân H4, sinh năm 1970; có vợ là Lò Thị L1, sinh năm 1997; có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 02/4/2014, bị công an thành phố H, tỉnh Hoà Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023. Có mặt

Ngoài ra còn có bị cáo Bạch Văn C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bạch Văn C, Đào Văn P, Lê Xuân T và Nguyễn Đức D1 có quan hệ bạn bè xã hội với nhau. Ngày 15/12/2023, Nguyễn Đức D1 mời C, P, T đến quán bia 1999, địa chỉ tại tiểu khu M, thị trấn Đ, huyện Đ để ăn cơm, uống rượu với lý do là sinh nhật D1. Khi được D1 mời, Bạch Văn C đã điện thoại rủ thêm bạn là Nguyễn Việt D cùng vào huyện Đ uống rượu. Được C mời, D tiếp tục rủ các bạn của mình gồm Đỗ Thị Kim A1, Đinh Thị H5 và Nguyễn Thị H6 cùng vào thị trấn Đ ăn cơm, uống rượu.

Khoảng 19 giờ ngày 15/12/2023 D1, P và T có mặt tại quán 1999 rồi C, D, H5, H6 và Kim A1 đi taxi đi từ thành phố H đến và cả nhóm cùng bắt đầu ăn cơm, uống rượu tại quán 1999. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi ăn uống sắp xong C nảy sinh ý định và muốn sử dụng ma túy nên có nói “Chương trình gì thì triển khai đi chứ không muộn mất”, nghe vậy D1 hiểu là C muốn D1 mời mọi người đi hát Karaoke, vì hôm đó là sinh nhật D1 nên nói “Giờ anh chỉ có một

triệu rưỡi để trả tiền ăn”. Sau đó D1 có gặp riêng C, T và P ở bên ngoài phòng ăn để hỏi vay tiền từng người nhưng không ai có tiền cho D1 vay. Sau đó khi mọi người đều ở trong phòng ăn D1 nói "Giờ mời mọi người đi lên quán hát, tiền hát, tiền phòng anh lo”, nghe vậy, C quay sang nói với T và P “Giờ em cứ bỏ tiền ra trước có gì về bổ đầu sau", mục đích là C bỏ tiền mình ra trước để mua ma túy. T thì không nghe thấy C nói còn P nghe vậy hiểu là C bỏ tiền ra trước mời mọi người đi hát, sau về chia tiền cùng chịu chung. Lúc này C ra ngoài cửa quán 1999, sử dụng điện thoại IPHONE 12 ProMax của mình lắp sim số 0373.417.521 gọi điện thoại để liên hệ mua ma túy với một người Công lưu tên trong danh bạ là “Bích” nhưng không liên lạc được. Do trước đó C từng nghe Nguyễn Việt D nói có quen một người phụ nữ tên M bán chất ma túy nên C bảo D gọi điện mua ma túy và được D đồng ý. D sử dụng điện thoại nhãn hiệu OPPO của mình lắp sim số 0853.081.992 gọi điện thoại đến số 0915.704 222 cho người Dưng lưu tên trong danh bạ là "Cô M" thì người này nghe máy và nói “gọi zalo đi”. Sau đó người tên M sử dụng tài khoản Z có tên “Đẹp Z1” liên lạc với D để trao đổi về việc mua, bán chất ma túy. D hỏi mua của M “ba nọ, ba kia” (tức 3 chỉ ma túy tổng hợp loại ketamine và 3 viên ma túy loại MDMA) với số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) và được người tên M gửi cho số tài khoản để chuyển tiền mua ma túy. D đọc số tài khoản này cho C để C chuyển khoản số tiền 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) từ tài khoản Ngân hàng V của C tên BACH VAN CONG đến tài khoản số 45510002876406 của Ngân hàng B có tên VU TRONG QUANG mà người bán ma túy gửi. Sau khi C chuyển khoản tiền mua ma túy xong, D được người tên M gửi số điện thoại 0329.171.074 để chủ động liên lạc với một người đàn ông không quen biết lấy chất ma túy.

D nghĩ đến các bạn là Phạm Hữu S và Đỗ Minh H cũng rủ D đi uống rượu tối ngày hôm đó nên D đã nhắn tin, gọi điện rủ S và H lên thị trấn Đ. D gọi xe taxi của người quen là Trần Ngọc A2 – sinh năm 1990, trú tại số A, phường Đ, thành phố H đón S. D gửi số điện thoại 0329.171.074 và nhắn tin cho S với nội dung “Gọi bà M, xem bà dán đồ chỗ nào, tiền chuyển rồi” thì S hiểu là lấy ma túy và mang vào huyện Đ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. S sử dụng điện thoại nhãn hiệu IPHONE II Ph Max của mình lắp sim số 0965.851.166 gọi điện vào số 0329.171.074 để liên lạc lấy ma túy thì nghe thấy giọng của một người đàn ông chỉ vị trí cất giấu ma túy tại chân cổng trào gần khu dân cư A, phường H, thành phố H. S đi xe taxi đến nơi lấy được gói ma túy được quán bên ngoài bằng băng dính đen rồi để vào hàng ghế sau trên xe taxi. D bảo S chờ đón H nhưng S không chờ mà bảo H cứ đi taxi vào thị trấn Đ rồi S sẽ trả tiền taxi và đón H, S mang gói ma túy vừa lấy được vào đến khu vực xóm T, xã T đón H ở đó rồi cả hai người đi cùng một xe taxi đến quán K theo định vị D đã gửi trước đó.

Nhóm C, D, T3, P, D1, Kim A1, H5 và H6 ăn uống xong tại quán 1999 thì rủ nhau đi đến quán hát Karaoke Ngọc T4 tại tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện Đ tỉnh

Hòa Bình để hát karaoke theo lời mời của D1. Lúc này T4 chưa lên quán hát luôn mà điều khiển xe mô tô nhãn hiệu. HONDA Wave màu đỏ, Biển kiểm soát 28H1 - 496.17 về lán công trường ở xóm T, xã T nơi T4 đang làm việc để tắm rửa thì được Công báo “Về thì đem cái đĩa lên nhé”, nghe vậy T4 hiểu là C muốn tổ chức sử dụng ma túy và cần đĩa để sơ chế ma túy. Khi T4 đang ở lán công trường, C tiếp tục gọi điện cho T4 nhắc việc mang đĩa lên phòng hát với mục đích sử dụng dụng cụ ma túy nên T4 đã lấy 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, hình tròn kẹp trong cặp quần phía trước bụng và trùm áo che giấu chiếc đĩa, rồi điều khiển xe mô tô đi lên quán hát.

C, D, P, D1, Kim A1, H5, H6 đến quán hát Karaoke Ngọc T4 và được chị Nguyễn Thị Thùy L2 – sinh năm 2004, trú tại tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện Đ là quản lý quán hát sắp xếp cho vào phòng VIP1 tầng 3 để hát karaoke. Lúc này P ra ngoài ghế ở sảnh tầng 3 ngồi, thì C ra hỏi P cho em mượn thẻ” mà không nói gì thêm, P nghĩ Công mượn thẻ căn cước để lúc nữa trả tiền hát thiếu thì để cầm cố nên P không hỏi lại mà móc ví lấy thẻ căn cước công dân của mình đưa cho C, chứ không biết C chuẩn bị thẻ để dằm, nghiền chất ma túy (xào ke). Khi lên đến phòng hát, T4 nghĩ cần có dụng cụ dạng hình ống để hít chất ma túy nên đã sờ túi quần, áo của mình để tìm tiền nhằm cuộn thành ống hít nhưng không có. T4 nói với D1 ngồi gần đó “Có tiền không” mà không nói lấy tiền dùng làm gì. D1 thấy Trường sờ túi tìm tiền và hỏi mình như vậy thì nghĩ T4 mượn tiền mua thuốc lá, nên D1 không nói gì mà móc túi quần thấy có tờ tiền 20.000đ đưa cho T4. Một lúc sau, T4 hạ thấp hai tay xuống bên dưới bàn miết, cuộn tờ tiền D1 đưa cho theo chiều dọc tạo thành một ống hút hình trụ sau đó lấy vỏ đầu lọc thuốc lá bọc bên ngoài ống để giữ tạo hình ống hút. Sau đó C đi đến gần T4 hỏi “đĩa đâu”, T4 chỉ vào phía trước bụng và T4 đứng dậy đi ra gần cửa đứng hướng mặt ra phía cửa đối diện với C đưa đĩa sứ cho C cầm đi ra ngoài phòng hát VIP1. Lúc này, S và H đi tới quán hát và lên tầng C thì gặp C và T4 đang đứng ở sảnh chờ sẵn. C hỏi “đồ đâu” thì S sờ túi quần không thấy và nói “thẻ quên trên xe rồi”. S đã gọi điện thoại cho Trần Ngọc A2 lái xe taxi quay lại. S và H cùng xuống Tỉnh lộ 433 phía trước cửa quán hát đợi xe taxi, S nói vị trí gói ma túy để ở ghế sau xe taxi cho H tìm rồi cầm lên quán hát, còn S thanh toán tiền xe. Khi lên đến sảnh tầng 3 quán hát Hoàng cầm gói ma túy đưa cho C tại khu vực lối vào nhà vệ sinh rồi S, H đi vào phòng hát với mọi người. Nhận được ma túy C và T4 cùng đi vào nhà vệ sinh, đóng cửa lại để chế biến ma túy. C đưa cho T4 bóc gói ma túy, còn C dùng bật lửa của mình ngồi xuống và đốt giấy vệ sinh hơi nóng đĩa sứ để chế biến ma túy. T4 bóc ra thì thấy bên trong có 03 gói nilon ma túy tổng hợp loại ketamine và 01 gói nilon đựng 3 viên ma túy loại MDMA. Sau đó T4 đưa lại tất cả số ma túy cho C và đi ra, khi T4 vừa đi ra khoảng vài bước thì gặp D đi vào nhà vệ sinh nên cả hai cùng quay vào nhà vệ sinh. Lúc này, T4 nói “Đồ đâu cho anh chơi với không tí hết mất” mục đích là muốn sử dụng ma túy. Nghe xong D

nói “Em chơi với thằng này từ nhỏ nên biết nó để đâu” rồi dùng tay móc trong túi quần trước bên phải của C ra 01 gói 03 viên ma túy tổng hợp MDMA và lấy 01 viên cầm trên tay, còn lại 02 viên D đút trả vào túi quần của C. D cho viên ma túy vừa lấy được vào miệng cắn một nửa sử dụng, nửa còn lại đưa cho T4 sử dụng. Trong khi D và T4 sử dụng ma túy và đứng đối diện nói chuyện với nhau thì C lấy giấy ăn có sẵn trong nhà vệ sinh bọc 02 túi Ketamine cất lên thanh kim loại treo đồ gắn trên tường nhà vệ sinh, rồi ngồi xuống sát cửa ra vào nhà vệ sinh đồ 01 túi Ketamine ra đĩa sứ. C tiếp tục ngồi xuống cầm đĩa chứa Ketamine và dùng thẻ căn cước công dân mà Công mượn của P lúc trước tán nhỏ, nghiền nát ma túy rồi dùng một tờ giấy ăn dẩy lên. Sau khi đã sử dụng ma túy xong D đi vào phòng hát đầu tiên, khoảng 02 phút sau thì T4 đi trước và đến C cầm đĩa có ma túy đi sau vào phòng hát. Khi C đi vào phòng hát thì có D, T3, H, S, D1, Kim A1 và nữ nhân viên quán hát tên Hơ Thị L3 - sinh năm 2005, trú tại xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa vừa vào phòng hát rót bia và phục vụ trong phòng hát. Thấy mọi người đi vào phòng hát, P đang ngồi ở ghế ngoài sảnh phòng hát cũng đi vào theo sau, còn H6, H5 vẫn đứng ở ngoài tiền sảnh tầng 3 của quán hát. C đưa đĩa Ketamine cho H, H đặt xuống bàn dùng thẻ căn cước công dân ở đĩa vun gọn ma túy. C lấy 02 viên kẹo ma túy MDMA từ trong túi quần ra, 01 viên đặt xuống bàn, 01 viên cho lên miệng cắn một phần sử dụng, phần còn lại dùng tay bé nhaim chia cho mọi người sử dụng, nhưng khi đang bẻ nhỏ viên kẹo ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện Đ kiểm tra, phát hiện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ tại hiện trường 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng đặt trên bàn đựng chất tinh thể màu trắng (M1) và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đào Văn P số 001089017685 có bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 viên nén màu trắng đựng trong túi zip nilong màu trắng (M2), 01 ống hút được cuộn bằng tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng chắt tiền polyme được bọc bên ngoài bằng 04 và đầu lọc thuốc lá, chất tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt sản phẩm phòng hát (M3); 01 chiếc bật lửa ra màu đỏ có chữ "H-VIET. Các đối tượng Bạch Văn C, Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S và Đỗ Minh H khai nhận những đồ vật thu giữ là ma túy và công cụ dùng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ lời khai của Bạch Văn C tiếp tục phát hiện và thu giữ 01 gói giấy màu trắng loại giấy vệ sinh bọc 02 túi nilong zip bên trong mỗi túi đều chứa đựng chất tinh thể màu trắng tại vị trí thanh treo kim loại treo đồ trong nhà vệ sinh nam tầng 3 quán K (M, M5). Tiến hành Test kiểm tra nhanh chất ma túy với những người có mặt trong phòng hát xác định Bạch Văn C, Nguyễn Việt D, Lê Xuân T dương tính với chất ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với C, D, T, S và H, thu giữ các vật chứng liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 05/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

“- Chất bám dính màu trắng trên bề mặt đĩa sứ, tờ tiền, thẻ căn cước trong Hộp số 1 gửi giám định quá ít không xác định được khối lượng. Chất bám dính là ma túy loại Ketamine

- Chất tinh thể màu trắng ký hiệu M1, M4, M5 trong Hộp số 2 gửi giám định có tổng khối lượng 2,73g (Hai phẩy bảy mươi ba gam), là ma túy, loại Ketamine.

- Chất bột màu trắng ký hiệu M2, M3 trong Hộp số 2 gửi giám định có tổng khối lượng 0,36g (Không phẩy ba mươi sáu gam), là ma túy, loại MDMA.

Tại biên bản mở niêm phong cần xác định khối lượng ngày 16 tháng 12 năm 2023, tại Phòng K1 Công an tỉnh H:

“Chất tinh thể màu trắng trong túi nilon ký hiệu M1, M4, M5 trong Hộp số 02 niêm phong gửi giám định có khối lượng lần lượt là:

M1: 0,74g (Không phẩy bảy mươi bốn gam)

M4: 0,99g (Không phẩy chín mươi chín gam).

M5: 1g (Một gam).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS - ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S và Đỗ Minh H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Việt D 08 năm tù; Lê Xuân T 07 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Hữu S 07 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Minh H 06 năm 06 tháng tù.

Thời hạn tù các bị cáo phải chấp hành kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/12/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn C1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/10/2024 bị cáo Nguyễn Việt D; Lê Xuân T, Phạm Hữu S; ngày 07/10/2024 bị cáo Đỗ Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T và Đỗ Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm Hữu S rút kháng cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của bị cáo đã được thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định.

- Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính, Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo trình bày thêm các tình tiết giảm nhẹ chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho các bị cáo (xử phạt bị cáo D từ 07 năm 6 tháng đến 07 năm 8 tháng tù; bị cáo T từ 07 năm đến 07 năm 3 tháng tù; bị cáo H từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm tù).

- Bị cáo Phạm Hữu S, tại phiên tòa phúc thẩm đã rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ vào Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phần kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu S.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S, Đỗ Minh H trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo.

2.1. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S và Đỗ Minh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S, Đỗ Minh H về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.2. Bị cáo Phạm Hữu S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo không liên quan đến kháng cáo khác. Căn cứ vào Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phần kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu S (mức hình phạt 07 năm tù đối với bị cáo có hiệu lực pháp luật).

2.3. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T và Đỗ Minh H:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt như cấp sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ. Tại giai đoạn cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, thể hiện: Giấy xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính, gia đình bị cáo hiện tại có hoàn cảnh khó khăn.

Bị cáo Nguyễn Việt D có ông Phạm Văn T5 cậu ruột của vợ bị cáo là liệt sỹ; giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hòa Bình tặng thưởng trong phong trào thi đua yêu nước và tặng thưởng đã có thành tích trong hiến đất làm đường giao thông năm 2022 cho bà Bùi Thị H1 (mẹ bị cáo).

Bị cáo Lê Xuân T có ông Nguyễn Văn Q là bác ruột của vợ bị cáo là liệt sỹ, bản thân bị cáo sức khỏe yếu (tai nạn giao thông dẫn đến chấn thương).

Bị cáo Đỗ Minh H: Không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm không đáng kể được cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.4. Xét thấy các tài liệu, chứng cứ mới mà các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Đỗ Minh Hoàng cung C2 là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S, Đỗ Minh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342 Bộ Luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phần kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu S (mức hình phạt 07 năm tù đối với bị cáo tại bản án hình sự hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS - ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình có hiệu lực pháp luật).

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Đỗ Minh H; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS - ST ngày 27/9/2024

của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình (Giảm hình phạt cho bị cáo), cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Việt D, Lê Xuân T và Đỗ Minh H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Việt D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/12/2023

- Lê Xuân T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/12/2023

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Minh H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/12/2023

3. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Việt D, Lê Xuân T, Phạm Hữu S, Đỗ Minh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 06/01/2025.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS huyện Đà Bắc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn

